

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích
2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1978, cư trú số: 489, tổ 13, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1982, cư trú số: 489, tổ 13, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 29 tháng 05 năm 2019, trong quá trình xét xử, N đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ N do mai mối, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 267/MH ngày 30 tháng 08 năm 2002. Hôn nhân lần thứ nhất của ông T và bà N. Trong thời gian sống chung vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông T không còn yêu thương gì đối với bà N, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà N.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai con chung tên Trần Văn Tr, sinh ngày 16 tháng 08 năm 2002 và Trần Văn N, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Lệ N vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 11 năm 2019, ông T giữ N yêu cầu khởi kiện. Bà Nguyễn Thị Lệ N vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: N tác xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với N đơn ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà N vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Ông T và bà N đăng ký kết hôn năm 2002. Giữa ông T và bà N phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà N là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Trần Văn Tr, sinh ngày 16 tháng 08 năm 2002 và Trần Văn N, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012 hiện nay sống chung với ông T, được ông chăm lo tốt, có nơi ở ổn định nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 12 tháng 11 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định pháp luật.

Riêng đối với bà Nguyễn Thị Lệ N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ N không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ N trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố LX, tỉnh AG theo trích lục kết hôn bản sao số 267/MH ngày 30 tháng 08 năm 2002, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, ông T và bà N phát sinh mâu thuẫn, ông T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý

giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. N nhân, do bà không quan T chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống chung ông T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

[4] Xét, hôn nhân giữa ông T và bà N mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông T không còn tình cảm với bà N, không yêu thương, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà N vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T tức là bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của bà N. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N.

[5] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 16 tháng 08 năm 2002 và Trần Văn N, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012. Hiện nay, con chung đang sống ổn định với ông T, được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nguyện vọng của cháu T và N mong muốn sống chung với ông T. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Trần Văn Tr và Trần Văn N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết, không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lệ N.

Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Trần Văn Tr, sinh ngày 16 tháng 08 năm 2002 và Trần Văn N, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012. Bà Nguyễn Thị Lệ N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Văn T không yêu cầu. Ông T phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003171, ngày 07 tháng 06 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông T, bà N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương